

CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TNI-QLDN3
V/v thực hiện nghĩa vụ tài chính liên
quan đến Thuế tài nguyên và Phí bảo
vệ môi trường.

Tây Ninh, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Công ty TNHH Hoàn Cầu Long An;

MST: 1100593789;

Địa chỉ: đường Ấp Thanh Sơn, Xã Đức Huệ, Tỉnh Tây
Ninh.

Trả lời công văn số 8704/2026-HCLA của công ty TNHH Hoàn Cầu Long An về việc xem xét, cho ý kiến về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính liên quan đến hoạt động đào đất trong các hồ cảnh quan, nhà máy xử lý nước thải, kênh mương, hệ thống cấp nước, hồ sự cố, đào nền,... phục vụ san lấp nền trong phạm vi Dự án Khu công nghiệp Bình Hòa Nam 1, tại xã Đức Huệ, tỉnh Tây Ninh, Thuế Tỉnh Tây Ninh có ý kiến như sau:

Về Thuế tài nguyên:

- Căn cứ Điều 3 Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 ngày 25 tháng 11 năm 2009 quy định người nộp thuế được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH1 ngày 26 tháng 11 năm 2014 như sau:

“1. Người nộp thuế tài nguyên là tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên, trừ trường hợp khai thác tài nguyên đối với mỏ, cụm mỏ, lô dầu khí khai thác tận thu theo quy định của pháp luật về dầu khí.”

- Căn cứ Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 152/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 02 tháng 10 năm 2015 quy định người nộp thuế:

“Người nộp thuế tài nguyên là tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên theo quy định tại Điều 2 Thông tư này. Người nộp thuế tài nguyên (dưới đây gọi chung là người nộp thuế - NNT) trong một số trường hợp được quy định cụ thể như sau:

1. Đối với hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản thì người nộp thuế là tổ chức, hộ kinh doanh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.”

“...”

- Căn cứ Điều 4 Thông tư số 152/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 02 tháng 10 năm 2015 quy định căn cứ tính thuế như sau:

“1. Căn cứ tính thuế tài nguyên là sản lượng tài nguyên tính thuế, giá tính thuế tài nguyên, thuế suất thuế tài nguyên.

2. Xác định thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ

$$\frac{\text{Thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ}}{\text{Thuế tài nguyên}} = \frac{\text{Sản lượng tài nguyên tính thuế}}{\text{Thuế suất tài nguyên}} \times \frac{\text{Giá tính thuế đơn vị tài nguyên}}{\text{Thuế suất tài nguyên}}$$

“ ... ”

Về Phí bảo vệ môi trường:

- Căn cứ Điều 2 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính Phủ quy định đối tượng chịu phí:

“Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là hoạt động khai thác dầu thô, khí thiên nhiên, khí than; khoáng sản kim loại và khoáng sản không kim loại quy định tại Biểu khung mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản ban hành kèm theo Nghị định này.”

+ Tại Khoản 1 Điều 4 quy định người nộp phí:

“Người nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo Nghị định này bao gồm:

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản.”

“ ... ”

- Căn cứ Điều 7 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính Phủ quy định phương pháp tính phí:

“1. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản phải nộp trong kỳ nộp phí được tính theo công thức sau:

$$F = [(Q1 \times f1) + (Q2 \times f2)] \times K.$$

Trong đó:

F là số phí bảo vệ môi trường phải nộp trong kỳ (tháng).

$Q1$ là khối lượng đất đá bóc, đất đá thải trong kỳ nộp phí (m^3).

Khối lượng đất đá bóc, đất đá thải trong kỳ nộp phí ($Q1$) được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 41 và khoản 4 Điều 42 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

$f1$ là mức thu phí đối với số lượng đất đá bóc, đất đá thải: 200 đồng/ m^3 .

$Q2$ là tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế trong kỳ nộp phí (tấn hoặc m^3).

Tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế trong kỳ nộp phí ($Q2$) được xác định theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

$f2$ là mức thu phí tương ứng của từng loại khoáng sản khai thác (đồng/tấn hoặc đồng/ m^3).

K là hệ số tính phí theo phương pháp khai thác, trong đó:

Khai thác lộ thiên (bao gồm cả khai thác bằng sức nước như khai thác titan, cát, sỏi lòng sông, suối, lòng hồ thủy điện, thủy lợi, cửa biển): $K = 1,1$.

Khai thác hầm lò và các hình thức khai thác khác (khai thác dầu thô, khí thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên và các trường hợp còn lại): $K = 1$.”

“ ... ”

Đối với trường hợp công ty TNHH Hoàn Cầu Long An được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép đào đất từ các công trình thuộc sự án Khu công nghiệp Bình Hòa Nam 1 để phục vụ san lấp nền trong phạm vi thực hiện dự án, không sử dụng cho mục đích kinh doanh thuộc đối tượng nộp Thuế tài nguyên, Phí bảo vệ môi trường theo quy định nêu trên.

Thuế tỉnh Tây Ninh trả lời đề công ty TNHH Hoàn Cầu Long An biết thực hiện đúng theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này. Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc công ty có thể liên hệ Thuế tỉnh Tây Ninh (Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp số 3) để được hỗ trợ giải quyết. Đề nghị công ty đối chiếu các quy định trên để xác định Thuế tài nguyên và Phí bảo vệ môi trường để thực hiện theo đúng quy định ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BLD Thuế Tỉnh;
- Trang web Thuế Tỉnh;
- Lưu: VT, QLDN3, Hiệp.

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**

Trần Chí Cường